TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **73** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 11 - 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Xuân Vũ
2. Bà Nguyễn Kim Dung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên L không tham gia phiên toà*.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86 /2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa :

1/ Nguyên đơn: Chị Mông Thị D, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Thôn 10, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái;
Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái;
Có mặt

2/ Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn 10, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và phiên tòa chị Mông Thị D trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn M được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, hai người chung sống như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, không đến UBND xã để đăng ký kết hôn vì lý do không được tìm hiểu Luật hôn nhân và gia đình. Năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau, đến tháng 8 năm 2018 do không thể chịu đựng được cuộc sống chung nên đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Y, huyện L, từ đó không ai còn quan tâm đến ai, tôi xác định không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: có 02 con chung : Hoàng Văn C, sinh ngày 27/9/1997 nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng và Hoàng Thị T, sinh ngày 03/3/2002 hiện đang học Trung học phổ thông, khi ly hôn cháu có nguyện vọng ở với ai là tùy cháu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn M trình bày: Tôi và cô Mông Thị D có được tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương chúng tôi chung sống như vợ chồng từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2017 thì mâu thuẫn nguyên nhân do cô D thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, tôi có tham gia góp ý nhiều lần nhưng không được, ngày 24 8/2018 cô D tự bỏ về ở với bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã Y vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, cô D xin ly hôn thì tôi đồng ý. Chúng tôi có 02 người con chung Hoàng Văn C, sinh ngày 27/9/1997 và Hoàng Thị T, sinh ngày 03/3/2002, nay cháu C đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, còn cháu T đang đi học nên tôi nhận nuôi cháu, không yêu cầu cô D phải cấp dưỡng.Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, việc nuôi dưỡng con chung, các đương sự thống nhất anh Hoàng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng người con Hoàng Thị T, chị D không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự cùng có hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã M, huyện L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị Mông Thị D và anh Hoàng Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với nhau và phù hợp với giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân của UBND xã M, huyện L. Trong khi chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M không được đăng ký theo quy định của pháp luật thì không có giá trị pháp lý, đồng thời không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng;

[3] Về con chung: Chị D và anh M có 02 con chung: Hoàng Văn C, sinh ngày 27/9/1997 và Hoàng Thị T, sinh ngày 03/3/2002. Thấy rằng anh C đã trưởng thành có công việc làm ổn định, các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với Hoàng Thị T đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 18 tuổi. Tại phiên hòa giải cháu T có nguyện vọng được ở với bố, anh M đồng ý và không yêu cầu cô D phải cấp dưỡng, hôm nay các đương sự giữ nguyên quan điểm đã thống nhất. Xét thỏa thuận về việc nuôi con của các đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[1]Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Mông Thị D và anh Hoàng Văn M là vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con như sau: Anh Hoàng Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con Hoàng Thị T, sinh ngày 03/3/2002. Chị Mông Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Mông Thị D phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002328, ngày 02/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái, chị D đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- CCT.H.ADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Sơn